

Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiếp

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 35

Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100100537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 5 năm 1998 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 6 tháng 7 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại khóa và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội và các chi nhánh sau:

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 157 - 159, đường Song Hành, phường 10, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Đà Nẵng	Đường Xuân Thủy, khu dân cư công viên Khuê Trung, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Cần Thơ	E20, E21 Đường số 8, Khu dân cư Nông Thổ Sản, Khu vực Thạnh Lợi, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Buon Ma Thuột	Đường Tỉnh Lộ 5, Xã Cư Êbur, thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Phnôm Pênh, Campuchia	210 Mao Tse Toung Blvd (245), thành phố Phnôm Pênh, Campuchia

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Lê Đức Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên
Ông Lê Tràng Thắng	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Thúy Hà	Trưởng ban
Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên
Bà Vũ Thị Hà	Thành viên

INCORPORATED IN VIETNAM

Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Đức Phương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Tuấn, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Văn Tuấn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 11790063/66922829

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp (“Công ty”) được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Mạnh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2023-004-1

Đỗ Đức Hiếu
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4663-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		410.179.700.976	440.479.966.796
110	I. Tiền	4	42.088.481.521	57.608.483.290
111	1. Tiền		42.088.481.521	57.608.483.290
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		26.000.000.000	10.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	26.000.000.000	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.108.295.467	15.243.699.367
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	9.402.176.478	13.965.121.666
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		432.422.552	2.039.183.886
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		1.111.303.673	2.127.001.051
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(2.837.607.236)	(2.887.607.236)
140	IV. Hàng tồn kho	8	328.047.215.405	351.936.390.209
141	1. Hàng tồn kho		332.373.479.997	356.222.086.710
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.326.264.592)	(4.285.696.501)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.935.708.583	5.691.393.930
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	5.345.446.224	5.067.484.795
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		590.262.359	623.909.135
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		100.501.625.448	96.014.609.827
220	I. Tài sản cố định		75.107.498.053	70.312.729.284
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	52.331.882.954	47.537.114.185
222	Nguyên giá		349.928.160.419	336.264.022.492
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(297.596.277.465)	(288.726.908.307)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	22.775.615.099	22.775.615.099
228	Nguyên giá		24.962.115.099	24.962.115.099
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.186.500.000)	(2.186.500.000)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		-	85.185.185
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	85.185.185
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12	25.233.067.767	25.217.091.372
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		28.800.000.000	28.800.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.566.932.233)	(3.582.908.628)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		161.059.628	399.603.986
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		161.059.628	399.603.986
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		510.681.326.424	536.494.576.623

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		176.161.377.144	199.916.340.063
310	I. Nợ ngắn hạn		162.950.524.794	179.945.209.171
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	53.553.263.810	69.811.734.695
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	49.020.247.614	45.100.993.423
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.233.391.724	4.328.642.607
314	4. Phải trả người lao động		20.708.629.739	21.308.134.909
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		187.021.066	370.019.916
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		298.605.342	295.389.271
320	7. Vay ngắn hạn	16	11.920.501.080	11.797.588.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	25.028.864.419	26.932.706.350
330	II. Nợ dài hạn		13.210.852.350	19.971.130.892
338	1. Vay dài hạn	16	13.210.852.350	19.971.130.892
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		334.519.949.280	336.578.236.560
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	334.519.949.280	336.578.236.560
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		106.500.000.000	106.500.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		106.500.000.000	106.500.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		122.628.115.429	119.579.138.360
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		105.391.833.851	110.499.098.200
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		80.471.144.062	80.009.327.507
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		24.920.689.789	30.489.770.693
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		510.681.326.424	536.494.576.623

Trần Ngọc Thường
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng	18.1	753.001.456.932	889.946.821.273
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(100.140.416)	(419.987.000)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	18.1	752.901.316.516	889.526.834.273
11	4. Giá vốn hàng bán	19	(647.706.367.612)	(769.681.594.908)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		105.194.948.904	119.845.239.365
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	1.665.265.523	1.735.251.670
22	7. Chi phí tài chính	20	(2.963.868.874)	(3.068.718.575)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(2.979.845.054)	(3.109.177.618)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(45.338.233.638)	(49.717.677.901)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(28.460.899.330)	(30.865.799.874)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30.097.212.585	37.928.294.685
31	11. Thu nhập khác		1.102.657.833	662.289.231
32	12. Chi phí khác		(44.723.070)	(582.391.971)
40	13. Lợi nhuận khác		1.057.934.763	79.897.260
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		31.155.147.348	38.008.191.945
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(6.234.457.559)	(7.518.421.252)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		24.920.689.789	30.489.770.693
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	2.340	2.530
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	25	2.340	2.530

Trần Ngọc Thương
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng		795.589.625.954	931.443.690.789
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(624.735.263.857)	(799.556.415.157)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(82.687.436.137)	(97.039.188.962)
04	Tiền lãi vay đã trả		(2.979.845.054)	(3.109.177.618)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.879.018.002)	(9.300.000.000)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.690.432.719	4.965.283.111
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(38.570.396.685)	(20.922.285.768)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		45.428.098.938	6.481.906.395
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(17.381.223.215)	(23.490.311.074)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		564.671.400	182.730.000
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(56.600.000.000)	(13.200.000.000)
24	Tiền thu hồi từ bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		40.600.000.000	25.860.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi		1.935.816.570	1.203.681.242
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(30.880.735.245)	(9.443.899.832)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		9.280.222.538	8.448.490.250
34	Tiền trả nợ gốc vay		(15.917.588.000)	(14.613.183.170)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(23.430.000.000)	(26.625.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(30.067.365.462)	(32.789.692.920)

02-
 T
 HH
 Y
 NA
 HÁ
 NỘ
 1-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(15.520.001.769)	(35.751.686.357)
60	Tiền đầu năm		57.608.483.290	93.360.169.647
70	Tiền cuối năm	4	42.088.481.521	57.608.483.290



Trần Ngọc Thường
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

M.T. / U.A.H. / 1.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100100537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 5 năm 1998 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 6 tháng 7 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại khóa và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội và các chi nhánh sau:

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 157 - 159, đường Song Hành, phường 10, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Đà Nẵng	Đường Xuân Thủy, khu dân cư công viên Khuê Trung, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Cần Thơ	E20, E21 Đường số 8, Khu dân cư Nông Thổ Sản, Khu vực Thạnh Lợi, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Buôn Ma Thuột	Đường Tỉnh Lộ 5, Xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Phnôm Pênh, Campuchia	210 Mao Tse Toung Blvd (245), thành phố Phnôm Pênh, Campuchia

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 671 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 679).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

M.S.C.N

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Công ty ước tính thời gian sử dụng hữu dụng của một số tài sản cố định là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, dụng cụ quản lý phục vụ sản xuất ngắn hơn so với quy định của Thông tư 45. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty tin tưởng rằng thời gian sử dụng hữu dụng ước tính dùng để trích chi phí khấu hao nói trên là phù hợp với đặc thù và thực tế sản xuất của Công ty.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

12-
 T
 HH
 Y
 NA
 HÁ
 NỘ
 -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Lãi trên cổ phiếu (tiếp theo)

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các loại khóa. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình mật thiết của các cá nhân này.

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	1.587.833.350	1.405.738.447
Tiền gửi ngân hàng	<u>40.500.648.171</u>	<u>56.202.744.843</u>
TỔNG CỘNG	<u>42.088.481.521</u>	<u>57.608.483.290</u>

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 6 tháng đến 9 tháng tại ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,75%/năm đến 5,35%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5,9%/năm).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nga Nam	2.910.271.693	2.441.308.728
Hộ kinh doanh Quang Phương	2.017.807.115	2.067.807.115
SVT Trading Sole Co., Ltd	1.295.950.611	1.073.012.015
Công ty TNHH Cơ khí Đại Thành	1.021.900.000	2.309.573.530
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.156.247.059	6.073.420.278
TỔNG CỘNG	9.402.176.478	13.965.121.666
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.837.607.236)	(2.887.607.236)

7. NỢ XẤU

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Hộ kinh doanh Quang Phương	2.017.807.115	-	2.067.807.115	-
Các đối tượng khác	819.800.121	-	819.800.121	-
TỔNG CỘNG	2.837.607.236	-	2.887.607.236	-

8. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	79.903.931.716	-	105.665.072.796	-
Công cụ, dụng cụ	998.319.016	-	911.008.576	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.345.767.138	-	4.215.597.704	-
Thành phẩm	247.125.462.127	(4.326.264.592)	245.430.407.634	(4.285.696.501)
TỔNG CỘNG	332.373.479.997	(4.326.264.592)	356.222.086.710	(4.285.696.501)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.285.696.501	3.200.543.426
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	40.568.091	1.085.153.075
Trừ: Dự phòng hoàn nhập trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>4.326.264.592</u>	<u>4.285.696.501</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị (*)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	75.771.702.869	244.767.207.335	14.527.979.552	1.197.132.736	336.264.022.492
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.011.548.822	12.500.819.580	2.862.751.798	-	18.375.120.200
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.551.000.000)	(3.159.982.273)	-	(4.710.982.273)
Số cuối năm	78.783.251.691	255.717.026.915	14.230.749.077	1.197.132.736	349.928.160.419
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	24.750.419.731	231.496.669.571	10.308.381.278	1.197.132.736	267.752.603.316
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	41.497.627.199	231.910.121.919	14.122.026.453	1.197.132.736	288.726.908.307
- Khấu hao trong năm	3.106.039.929	9.646.891.338	827.420.164	-	13.580.351.431
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.551.000.000)	(3.159.982.273)	-	(4.710.982.273)
Số cuối năm	44.603.667.128	240.006.013.257	11.789.464.344	1.197.132.736	297.596.277.465
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	34.274.075.670	12.857.085.416	405.953.099	-	47.537.114.185
Số cuối năm	34.179.584.563	15.711.013.658	2.441.284.733	-	52.331.882.954
Trong đó:					
Tài sản dùng để thế chấp (*)	-	14.134.045.064	-	-	14.134.045.064

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, một số tài sản cố định hữu hình là máy móc, thiết bị đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như được trình bày trong Thuyết minh số 16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	<u>22.775.615.099</u>	<u>2.186.500.000</u>	<u>24.962.115.099</u>
Số cuối năm	<u>22.775.615.099</u>	<u>2.186.500.000</u>	<u>24.962.115.099</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	9.500.615.099	2.186.500.000	11.687.115.099
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	<u>-</u>	<u>2.186.500.000</u>	<u>2.186.500.000</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>2.186.500.000</u>	<u>2.186.500.000</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>22.775.615.099</u>	<u>-</u>	<u>22.775.615.099</u>
Số cuối năm	<u>22.775.615.099</u>	<u>-</u>	<u>22.775.615.099</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí quảng cáo trả trước	5.247.624.796	4.795.608.128
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	<u>97.821.428</u>	<u>271.876.667</u>
TỔNG CỘNG	<u>5.345.446.224</u>	<u>5.067.484.795</u>

Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên đơn vị	Số cuối năm			Số đầu năm				
	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Novo – Việt Tiệp (*)	2.880.000	36%	28.800.000.000	(3.566.932.233)	2.880.000	36%	28.800.000.000	(3.582.908.628)
TỔNG CỘNG			28.800.000.000	(3.566.932.233)			28.800.000.000	(3.582.908.628)

(*) Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên do cổ phiếu của công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Novo – Việt Tiệp là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0108813748 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 5 tháng 7 năm 2019, với số vốn điều lệ là 80 tỷ VND. Công ty Cổ phần Novo – Việt Tiệp có trụ sở đặt tại thôn Viên Nội, xã Vân Nội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính trong năm của Công ty Cổ phần Novo – Việt Tiệp là sản xuất van, vòi công nghiệp và các sản phẩm khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Dulico	12.985.302.916	11.608.324.633
Công ty TNHH Cơ khí Đại Thành	12.408.795.417	16.502.574.567
Công ty Cổ phần Hà Việt	8.928.569.275	15.652.273.748
Phải trả đối tượng khác	19.230.596.202	26.048.561.747
TỔNG CỘNG	<u>53.553.263.810</u>	<u>69.811.734.695</u>

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Hộ Kinh doanh Lê Thìn	4.869.548.413	3.975.756.459
Hộ Kinh doanh Tuyết Thu	4.826.901.152	1.946.599.933
Hộ Kinh doanh Toàn Yên	4.655.800.900	1.647.539.686
Cơ sở Văn Minh	4.183.859.676	4.739.185.075
Các đối tượng khác	30.484.137.473	32.791.912.270
TỔNG CỘNG	<u>49.020.247.614</u>	<u>45.100.993.423</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
	Thuế giá trị gia tăng	2.433.622.803	16.162.450.113	(18.596.072.916)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.855.067.982	6.234.457.559	(5.879.018.002)	2.210.507.539
Thuế thu nhập cá nhân	39.951.822	1.288.799.465	(1.305.867.102)	22.884.185
Các loại thuế khác	-	531.694.082	(531.694.082)	-
TỔNG CỘNG	<u>4.328.642.607</u>	<u>24.217.401.219</u>	<u>(26.312.652.102)</u>	<u>2.233.391.724</u>

15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	Số đầu năm	26.932.706.350
- Trích lập trong năm (<i>Thuyết minh số 17.1</i>)	3.048.977.069	3.861.767.153
- Sử dụng trong năm	(4.952.819.000)	(1.549.895.000)
Số cuối năm	<u>25.028.864.419</u>	<u>26.932.706.350</u>

2023
 T
 H
 Y
 C
 N
 A
 I
 A
 V
 O
 T
 H
 A
 N
 H
 A
 M
 2023

Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY

	Đơn vị tính: VND					
	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (*)	11.797.588.000	11.797.588.000	16.040.501.080	(15.917.588.000)	11.920.501.080	11.920.501.080
TỔNG CỘNG	11.797.588.000	11.797.588.000	16.040.501.080	(15.917.588.000)	11.920.501.080	11.920.501.080
Vay dài hạn						
Vay dài hạn ngân hàng (*)	19.971.130.892	19.971.130.892	9.280.222.538	(16.040.501.080)	13.210.852.350	13.210.852.350
TỔNG CỘNG	19.971.130.892	19.971.130.892	9.280.222.538	(16.040.501.080)	13.210.852.350	13.210.852.350

Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Anh	11.356.874.225	Thời hạn cho vay là 60 tháng, đáo hạn từ ngày 17 tháng 8 năm 2024 đến ngày 10 tháng 12 năm 2024. Gốc và lãi được thanh toán định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.	Lãi suất cơ sở tại ngày điều chỉnh cộng với biên độ từ 2,7% - 3,5%/năm.	Máy móc, thiết bị như trình bày tại Thuyết minh số 9.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội	13.774.479.205	Thời hạn cho vay là 60 tháng đến ngày 4 tháng 6 năm 2026. Gốc và lãi được thanh toán định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.	Lãi suất cơ sở tại ngày điều chỉnh cộng với 2,1% - 2,5%/năm. Lãi suất áp dụng cho năm hiện tại là 7,5% - 9,5%/năm.	Tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có tham gia đầu tư, bao gồm máy móc thiết bị của dự án "Đầu tư chiều sâu và mở rộng năng cao năng lực sản xuất khóa chất lượng cao năm 2015 - 2016 - Giai đoạn II" và dự án "Đầu tư đổi mới công nghệ - nâng cao năng lực sản xuất".

TỔNG CỘNG

25.131.353.430

Trong đó:

- Vay dài hạn đến hạn trả 11.920.501.080
- Vay dài hạn 13.210.852.350

Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiếp

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Năm trước				Tổng cộng
Số đầu năm	106.500.000.000	115.717.371.207	114.857.861.813	337.075.233.020
- Lợi nhuận trong năm	-	-	30.489.770.693	30.489.770.693
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	3.861.767.153	(3.861.767.153)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.861.767.153)	(3.861.767.153)
- Chi quỹ khen thưởng Ban Điều hành	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
- Chia cổ tức bằng tiền	-	-	(26.625.000.000)	(26.625.000.000)
Số cuối năm	106.500.000.000	119.579.138.360	110.499.098.200	336.578.236.560
Năm nay				
Số đầu năm	106.500.000.000	119.579.138.360	110.499.098.200	336.578.236.560
- Lợi nhuận trong năm	-	-	24.920.689.789	24.920.689.789
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	3.048.977.069	(3.048.977.069)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(3.048.977.069)	(3.048.977.069)
- Chi quỹ khen thưởng Ban Điều hành (*)	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
- Chia cổ tức bằng tiền (*)	-	-	(23.430.000.000)	(23.430.000.000)
Số cuối năm	106.500.000.000	122.628.115.429	105.391.833.851	334.519.949.280

(*) Công ty thực hiện trích lập các quỹ, chi quỹ khen thưởng Ban Điều hành và chia cổ tức bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-KVT ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị UDIC	42.585.000.000	42.585.000.000	-	42.585.000.000	42.585.000.000	-
Vốn góp của cổ đông khác	63.915.000.000	63.915.000.000	-	63.915.000.000	63.915.000.000	-
TỔNG CỘNG	106.500.000.000	106.500.000.000	-	106.500.000.000	106.500.000.000	-

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	106.500.000.000	106.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Số cuối năm	106.500.000.000	106.500.000.000
Cổ tức đã chia	23.430.000.000	26.625.000.000

17.4 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm	23.430.000.000	26.625.000.000
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức trả bằng tiền trên cổ phiếu phổ thông cho năm 2022 (2.200 VND/cổ phần)	23.430.000.000	-
Cổ tức trả bằng tiền trên cổ phiếu phổ thông cho năm 2021 (2.500 VND/cổ phần)	-	26.625.000.000

17.5 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đăng ký phát hành	10.650.000	106.500.000.000	10.650.000	106.500.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng				
Cổ phiếu phổ thông	10.650.000	106.500.000.000	10.650.000	106.500.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	10.650.000	106.500.000.000	10.650.000	106.500.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu bán hàng	753.001.456.932	889.946.821.273
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	725.096.115.632	853.526.246.633
<i>Doanh thu khác</i>	27.905.341.300	36.420.574.640
Các khoản giảm trừ doanh thu	(100.140.416)	(419.987.000)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(100.140.416)</i>	<i>(419.987.000)</i>
Doanh thu thuần	<u>752.901.316.516</u>	<u>889.526.834.273</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần từ bán thành phẩm</i>	724.995.975.216	853.106.259.633
<i>Doanh thu thuần khác</i>	27.905.341.300	36.420.574.640

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.604.063.145	1.683.763.434
Lãi chênh lệch tỷ giá	61.202.378	51.488.236
TỔNG CỘNG	<u>1.665.265.523</u>	<u>1.735.251.670</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	647.665.799.521	768.596.441.833
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	40.568.091	1.085.153.075
TỔNG CỘNG	<u>647.706.367.612</u>	<u>769.681.594.908</u>

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	2.979.845.054	3.109.177.618
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(15.976.395)	(70.688.559)
Chi phí tài chính khác	215	30.229.516
TỔNG CỘNG	<u>2.963.868.874</u>	<u>3.068.718.575</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	11.779.882.169	12.249.702.403
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.381.256.699	1.999.574.117
Chi phí quảng cáo, sự kiện	19.955.603.506	18.410.772.281
Chi phí vận chuyển	7.430.312.875	7.072.343.109
Chi phí bán hàng khác	4.791.178.389	9.985.285.991
TỔNG CỘNG	<u>45.338.233.638</u>	<u>49.717.677.901</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	15.751.500.083	17.225.288.143
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.173.272.905	4.590.818.391
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.394.713.382	940.789.453
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.141.412.960	8.108.903.887
TỔNG CỘNG	<u>28.460.899.330</u>	<u>30.865.799.874</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	629.103.181.726	729.390.618.245
Chi phí nhân công	97.871.529.433	112.452.786.899
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13.580.351.431	20.750.390.627
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.151.646.244	28.834.880.939
Chi phí khác	18.869.639.195	26.082.019.495
TỔNG CỘNG	<u>790.576.348.029</u>	<u>917.510.696.205</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>6.234.457.559</u>	<u>7.518.421.252</u>
TỔNG CỘNG	<u>6.234.457.559</u>	<u>7.518.421.252</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.155.147.348	38.008.191.945
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	6.231.029.470	7.601.638.389
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	11.508.089	31.588.870
Phạt chậm nộp thuế	-	5.279.094
Các điều chỉnh khác	<u>(8.080.000)</u>	<u>(120.085.101)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>6.234.457.559</u>	<u>7.518.421.252</u>

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị UDIC	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Đức Phương	Tổng Giám đốc/ Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc/ Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Lê Tràn Thắng	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Ngô Thị Thúy Hà	Trưởng ban kiểm soát
Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên ban kiểm soát
Bà Vũ Thị Hà	Thành viên ban kiểm soát

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị UDIC	Cổ đông lớn	Trả cổ tức bằng tiền	7.635.104.400	8.676.255.000

02
G
JH
&
DN
JH
N

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) và Ban Tổng Giám đốc trong năm:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Lương và thưởng	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	766.210.800	867.264.800
Ông Lê Đức Phương	Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	670.919.700	748.497.240
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	515.383.000	471.229.200
Ông Lê Tràng Thắng	Thành viên HĐQT	436.194.200	479.243.800
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	406.638.600	460.650.800
TỔNG CỘNG		2.795.346.300	3.026.885.840

BỘ CÔNG THƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	24.920.689.789	30.489.770.693
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban Điều hành (<i>Thuyết minh số 18</i>)	-	(3.548.977.069)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>24.920.689.789</u>	<u>26.940.793.624</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>10.650.000</u>	<u>10.650.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.340	2.530
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.340	2.530

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi thường Ban điều hành từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-KVT ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2023 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi thường Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế của năm 2023 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

26. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ (USD)	26.832	3.740

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty



Trần Ngọc Thường
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

